

BIÊN BẢN XÁC NHẬN

Cán bộ tham gia đề tài nghiên cứu khoa học sản xuất năm học 2024 - 2025
TẠI CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT

Đơn vị tính: đồng

TT	Tên hợp đồng	Số HĐ	Ngày ký HĐ	Tổng giá trị HĐ	Tổng số tiền chuyển về	Chủ nhiệm đề tài	Thành viên tham gia
1	Khảo sát địa hình, địa chất đánh giá chất lượng, trữ lượng và thực hiện thủ tục xin cấp phép khai thác mỏ đất đắp theo Nghị định số 11/2025/NĐ-CP và Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT phục vụ thi công phân đoạn Km38+00 - Km93+350 thuộc dự án Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) (giai đoạn 1)	14/2025/HĐDVTV/ 568-CODECO (HĐKT 14-2025 CODECO)	24/02/2025	831.600.000	831.600.000	Lê Văn Quang	Bùi Hoàng Bắc Đỗ Mạnh An
2	Đo vẽ bản đồ địa hình - địa vật hiện trạng mỏ quặng magnesit khu vực bản Phu Loup, huyện Xieng Khok, tỉnh Hủa Phăn, nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	01/2025/MAPPING /PHULOUP (HĐKT 34-2025 CODECO)	04/3/2025	977.289.400	977.289.400	Lê Văn Quang	Bùi Hoàng Bắc Đỗ Mạnh An



XÁC NHẬN CỦA CÔNG TY

KẾ TOÁN TRƯỞNG
Nguyễn Thị Lan



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT

Mã số thuế: 0101074336

Địa chỉ: Số 36, ngõ 30, phố Tạ Quang Bửu - Phường Bách Khoa - Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Điện thoại: 02437550428

Email: codeco.mdc@gmail.com

Số tài khoản: 111000037499

NH TMCP Công Thương Việt Nam - CN Nam Thăng Long

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Ngày 21 tháng 04 năm 2025

Mã của cơ quan thuế: 0082A6A6F2C6014AF8981E18E1D087B5E8

Ký hiệu: 1C25TMD

Số: 48

Họ và tên người mua hàng:

Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 568

Địa chỉ: Số 6, ngõ 126, phố Đốc Ngũ, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Số tài khoản: 300343511 Tại: Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Thăng Long - PGD Trung Kính.

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản

Mã số thuế: 0101819282

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Quyết toán giá trị của hợp đồng số 14/2025/HĐDVTV/568-CODECO, ký ngày 24/02/2025 và Phụ lục số 01 ngày 31/3/2025 về việc: Khảo sát địa hình, địa chất đánh giá chất lượng, trữ lượng và thực hiện thủ tục xin cấp phép khai thác mỏ đất Bản Hoán 1 (Mở rộng) và mỏ Lũng Nà.				770.000.000
Cộng tiền hàng hoá, dịch vụ:					770.000.000
Thuế suất GTGT: 8%				Tiền thuế GTGT:	61.600.000
				Tổng tiền thanh toán:	831.600.000

Số tiền bằng chữ: Tám trăm ba mươi một triệu sáu trăm nghìn đồng

Người mua hàng

(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

Người bán hàng

(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

Signature Valid

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT

Ngày ký: 21/04/2025 09:52:15

Tra cứu hóa đơn tại website: <https://tracuuhoadon.mininvoice.vn/> Mã tra cứu: 11D01437E6D54856

(Khởi tạo từ Phần mềm M-INVOICxoa số dư dỹ 2020E - Công ty TNHH Hóa đơn điện tử M-invoice - MST: 0106026495- SĐT : 0901 80 16 18)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2025

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ TƯ VẤN

Số: 14./2025/HĐDVTV/568-CODECO

Về việc: Khảo sát địa hình, địa chất đánh giá chất lượng, trữ lượng và thực hiện thủ tục xin cấp phép khai thác mỏ đất đắp theo Nghị định số 11/2025/NĐ-CP và Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT phục vụ thi công phân đoạn Km38+00 – Km93+350 thuộc dự án Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) (giai đoạn 1)

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13, được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017;

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2006;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 đã được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/11/2020;

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010 và Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản.

Căn cứ Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH14 ngày 29 tháng 11 năm 2024 và Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15/01/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và Khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 44/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định nội dung công tác giám sát thi công đề án thăm dò khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và Khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV;

Căn cứ nhu cầu và khả năng của hai bên.

Hôm nay, ngày **24** tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Công ty Cổ phần Tập đoàn đầu tư xây dựng trình 568, chúng tôi gồm:

1. Công ty Cổ phần Tập đoàn đầu tư xây dựng 568 (gọi tắt là Bên A)

Đại diện là: Trần Chung Tuấn

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

((Theo Uỷ quyền số 16/2025/UQ-568 ngày 03/01/2025 của Tổng giám đốc)

Địa chỉ: Số 6, ngõ 126, phố Đốc Ngừ, Phường Vĩnh Phúc, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024.32474648

Mã số thuế: 0101819282

Số tài khoản: 300343511 tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – CN Thăng Long – PGD Trung Kính.

2. Công ty TNHH Tư vấn, Triển khai công nghệ và Xây dựng Mỏ - Địa chất (gọi tắt là Bên B)

Đại diện là: Ông Trần Đình Kiên

Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Số 36, ngõ 30, phố Tạ Quang Bửu, phường Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 0243.755 0428

Mã số thuế: 0101074336

Số tài khoản: 111000037499 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long

Hai bên cùng nhau thoả thuận ký kết Hợp đồng dịch vụ tư vấn với các nội dung điều khoản như sau:

Điều 1. Nội dung và sản phẩm của Hợp đồng

Bên A đồng ý giao, bên B đồng ý nhận thực hiện dịch vụ tư vấn “Khảo sát địa hình, địa chất, đánh giá chất lượng, trữ lượng và thực hiện thủ tục xin cấp phép khai thác mỏ đất đắp theo Nghị định số 11/2025/NĐ-CP và Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT đối với 02 mỏ đất: Bản Hoán 3, xã Hạnh Phúc và mỏ Lũng Nà, xã Hồng Quang, huyện Quảng Hoà, tỉnh Cao Bằng phục vụ thi công phân đoạn Km38+00 – Km93+350 thuộc dự án Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng), (sau đây gọi tắt là “Hợp đồng”) cụ thể như sau:

1.1. Lập hồ sơ pháp lý khảo sát thăm dò và thực hiện thủ tục xin cấp phép khai thác; Trình cơ quan có thẩm quyền để thẩm định, xét duyệt theo quy định hiện hành; Sửa chữa, hoàn thiện theo yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền.

1.2. Tổ chức khảo sát đo đạc địa hình, khoan thăm dò và lấy mẫu đánh giá chất lượng và trữ lượng;

1.3. Lập hồ sơ báo cáo kết quả khảo sát và thực hiện các thủ tục có liên quan để xin cấp phép khai thác theo quy định hiện hành; Sửa chữa, hoàn thiện, bảo vệ báo cáo kết quả khảo sát và cấp phép khai thác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

1.4. In ấn, nhân bản báo cáo đủ số lượng hồ sơ theo quy định.

1.5. Sản phẩm của hợp đồng: Bản gốc Quyết định/Giấy phép khai thác 02 mỏ đất nêu trên do cơ quan có thẩm quyền cấp phép theo quy định hiện hành.

Điều 2. Thời gian và tiến độ thực hiện

2.1. Bên B phải thực hiện xong toàn bộ các công việc và nhiệm vụ đã nêu tại Hợp đồng này trong thời hạn thực hiện là không quá 30 ngày (ba mươi ngày) tính từ ngày bên A chuyển tiền tạm ứng lần 1 cho bên B, không kể thời gian chờ chấp thuận để thực hiện dự án và không kể thời gian bất khả kháng được thể hiện tại Điều 7.

2.2. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, do các yếu tố bất khả kháng được quy định tại Điều 10 của Hợp đồng này, khiến thời gian thực hiện công việc bị kéo dài so với tiến độ, thì tiến độ được cộng thêm thời gian kéo dài đó.

Điều 3: Điều kiện nghiệm thu bàn giao

3.1. Bên A chỉ nghiệm thu khi đối tượng nghiệm thu đã hoàn thành và có đủ hồ sơ theo quy định.

3.2. Bên A sẽ thực hiện nghiệm thu sau khi có Bản xác nhận khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị và kế hoạch khai thác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp cho bên A.

Điều 4: Giá và hình thức Hợp đồng

1. Giá trị Hợp đồng (đã bao gồm thuế GTGT 8%) là: **831.600.000 đồng**

(Bằng chữ: Tám trăm ba mươi một triệu, sáu trăm nghìn đồng chẵn)

Trong đó:

- Tổng giá trị Hợp đồng trước thuế: **770.000.000 đồng**
- + Giá trị Hợp đồng mỏ Bản Hoán 3 trước thuế (GTGT): **385.000.000 đồng.**
- + Giá trị Hợp đồng mỏ Lũng Nà trước thuế (GTGT): **385.000.000 đồng.**
- Thuế (GTGT 8%): **61.600.000 đồng.**
- Giá hợp đồng đã bao gồm tất cả các chi phí, thuế có liên quan để bên B hoàn thành toàn bộ nội dung theo hợp đồng (không bao gồm lệ phí thẩm định tại Sở TNMT).

2. Hình thức hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

Điều 5: Tạm ứng và thanh toán hợp đồng

5.1 Trước khi bên A tạm ứng hợp đồng cho bên B thì bên B có trách nhiệm nộp cho bên A một bảo lãnh tạm ứng hợp đồng phát hành bởi một Ngân hàng hợp pháp của bên B với giá trị bằng số tiền bên B tạm ứng.

- Giá trị của bảo lãnh tạm ứng hợp đồng sẽ được khấu trừ tương ứng với giá trị giảm trừ tiền tạm ứng qua mỗi lần thanh toán.

- Yêu cầu đối với bảo lãnh tạm ứng:

+ Giá trị bảo lãnh bằng giá trị được tạm ứng do Ngân hàng tại Việt Nam phát hành hợp lệ.

+ Loại và mẫu bảo lãnh tạm ứng: Bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang với nội dung bảo lãnh phải được Bên A chấp thuận trước khi phát hành.

+ Thời gian và hiệu lực của bảo lãnh: Bảo lãnh tạm ứng có hiệu lực kể từ ngày toàn bộ tiền tạm ứng về đến tài khoản của bên B cho đến ngày Bên A thu hồi hết tiền tạm ứng. Chậm nhất 10 (mười) ngày trước ngày Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực mà bên A chưa thu hồi hết giá trị tạm ứng, Bên B phải thực hiện các thủ tục để Ngân hàng phát hành bảo lãnh gia hạn thời hạn của Bảo lãnh tạm ứng. Giá trị của Bảo lãnh tạm ứng được gia hạn tương đương với giá trị tạm ứng còn lại mà Bên A chưa thu hồi. Chi phí liên quan đến việc phát hành và gia hạn Bảo lãnh tạm ứng do Bên B thanh toán.

5.2. Tạm ứng: Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng này, Bên A tạm ứng số tiền cho bên B bằng 30% giá trị hợp đồng là: 249.480.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm bốn mươi chín triệu, bốn trăm tám mươi nghìn đồng chẵn*) sau khi nhận được bảo lãnh tạm ứng hợp lệ và đề nghị tạm ứng của bên B.

5.3. Thanh toán: Sau khi bên B hoàn thành công tác khảo sát địa hình, địa chất, đánh giá chất lượng, trữ lượng và có đủ thủ tục hồ sơ xin cấp phép khai thác 02 mỏ đất nêu tại hợp đồng này đến Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Cao Bằng. Trong vòng 07 ngày làm việc, bên A sẽ thanh toán cho bên B đến 70% giá trị hợp đồng sau khi trừ đi toàn bộ số tiền đã tạm ứng.

Hồ sơ thanh toán gồm:

+ Bản sao phiếu xác nhận nộp hồ sơ và hoàn thiện các ý kiến theo yêu cầu của Sở TNMT tỉnh Cao Bằng .

+ Hồ sơ thanh toán.

+ Hóa đơn GTGT

+ Đề nghị tạm ứng của bên B.

5.4. Quyết toán và thanh lý hợp đồng: Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có Quyết định cấp phép khai thác. Hai bên sẽ tiến hành lập biên bản nghiệm thu, thanh lý Hợp đồng và bên A thanh toán cho bên B số tiền còn lại của hợp đồng.

Hồ sơ quyết toán, thanh lý hợp đồng gồm:

- Quyết định cấp phép khai thác 02 mỏ đất.

- Hồ sơ quyết toán

- Biên bản thanh lý hợp đồng

- Hóa đơn GTGT của bên B

- Đề nghị thanh toán của bên B

- Và một số giấy tờ liên quan khác (nếu có)

5.5. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản

5.6. Đồng tiền thanh toán: Đồng Việt Nam (VNĐ)

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của mỗi bên

6.1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

- Có quyền cử giám sát để giám sát Bên B thực hiện công việc theo quy định tại Thông tư số 44/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Tham gia cùng cơ quan nhà nước có thẩm quyền để giám sát chất lượng, khối lượng thi công và nghiệm thu theo đúng quy định của ngành.

- Cung cấp toạ độ mỏ đất Bản Hoán 3, xã Hạnh Phúc và mỏ đất Lũng Nà, xã Hồng Quang cho Bên B và các tài liệu pháp lý cần thiết (bản gốc hoặc bản sao công chứng Nhà nước) theo quy định hiện hành.

- Cung cấp diện tích đất rừng tự nhiên nằm trong diện tích khu vực mỏ.

- Cung cấp tổng thời gian dự kiến khai thác cho từng mỏ nêu trên.

- Cung cấp tên thiết bị và số lượng, máy móc dự kiến đưa vào sử dụng trong quá trình khai thác.

- Phối hợp với Bên B trong quá trình làm việc với cơ quan có thẩm quyền liên quan đến việc giải trình hồ sơ pháp lý xin cấp phép khai thác mỏ; Tham gia các buổi làm việc của các cơ quan có thẩm quyền theo yêu cầu liên quan đến các nội dung công việc thuộc hợp đồng trong phạm vi công việc của Bên A.

- Nộp tiền lệ phí cấp giấy phép thăm dò, khai thác, đặt cọc thăm dò, lệ phí độc quyền thăm dò, chi phí giám sát, lệ phí thẩm định, xét duyệt... theo quy định hiện hành.

- Thanh toán đúng hạn cho Bên B theo thoả thuận tại Hợp đồng.

6.2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

- Khi tổ chức các công việc của Hợp đồng, bên B sẽ thành lập một tổ đề án gồm các cán bộ có chuyên môn về địa chất, trắc địa, địa chất thuỷ văn....và các thiết bị liên quan để hoàn thành mục tiêu của đề án.

- Thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định tại địa phương để Bên B thực hiện công việc của mình theo hợp đồng và mọi chi phí này do Bên B chịu.

- Thực hiện toàn bộ nội dung công việc đã nêu tại Hợp đồng và các Phụ lục của Hợp đồng này.

- Nộp cho Bên A đầy đủ hồ sơ thăm dò, khai thác mỏ khi được cơ quan quản lý cấp phép mỗi loại sản phẩm 02 bộ đầy đủ (Thuyết minh, phụ lục, bản vẽ đi kèm), các tài liệu này nằm ngoài số lượng bộ nộp cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định, bao gồm tất cả các tài liệu nguyên thủy, các đĩa vi tính liên quan đến kết quả các nội dung công việc kể trên.

- Thực hiện các nội dung công việc đảm bảo nguyên tắc hợp lý, tiết kiệm tài nguyên khoáng sản và chi phí; Thực hiện quy định về nghiệm thu chất lượng công trình theo quy định hiện hành.

- Chịu trách nhiệm trước Bên A và các cơ quan có thẩm quyền về hồ sơ pháp lý, kết quả khảo sát đo đạc, các báo cáo và công việc liên quan thuộc phạm vi công việc do Bên B thực hiện.

- Tự chịu trách nhiệm chi trả lương, ăn ở và các chế độ liên quan an toàn vệ sinh lao động đối với người lao động của Bên B, bảo vệ môi sinh, môi trường cũng như chịu trách nhiệm với bên thứ ba bị ảnh hưởng (nếu có) do việc thực hiện công việc của mình.

- Thực hiện công việc trong phạm vi khu vực được Bên A bàn giao. Trong quá trình thực hiện công việc, đảm bảo không gây ảnh hưởng tới nhân dân xung quanh khu vực thi công và không thực hiện các hoạt động ngoài phạm vi hợp đồng gây ảnh hưởng tới uy tín của Bên A với nhân dân và cơ quan chính quyền tại địa phương. Nếu trong trường hợp nhận được ý kiến góp ý của nhân dân, chính quyền địa phương, Bên B phải có trách nhiệm giải quyết vấn đề trong khả năng có thể. Báo cáo ngay cho Bên A các sự việc vượt ngoài tầm kiểm soát của mình.

- Phối hợp chặt chẽ với Bên A và các cơ quan liên quan có thẩm quyền về hoạt động khoáng sản và báo cáo kịp thời những diễn biến về địa chất khoáng sản cho Bên A trong quá trình thực hiện hợp đồng.

- Không được cung cấp thông tin về kết quả và bất kỳ thông tin khác thu được trong quá trình thực hiện cho bất cứ cá nhân tổ chức nào trừ trường hợp được sự đồng ý của bên A.

- Tự vấn cho Bên A thực hiện các thủ tục cần thiết để bên A có thể tiến hành các công việc cần thiết trong quá trình vận hành và khai thác mỏ đúng theo quy định của pháp luật.

- Bên B thực hiện các chế độ Báo cáo cho bên A như sau:

+ Các báo cáo cho cơ quan quản lý Nhà nước về khoáng sản (nếu có yêu cầu).

+ Báo cáo bất thường do Bên A yêu cầu. Bên B phải nộp cho bên A báo cáo bất thường nếu bên A yêu cầu. Báo cáo bất thường được lập theo yêu cầu của bên A là báo cáo bằng văn bản và sẽ bao gồm các nội dung, giải trình và đề xuất liên quan đến các vấn đề bên A yêu cầu báo cáo.

Điều 7: Bất khả kháng

7.1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài khả năng dự đoán hoặc kiểm soát của các bên và làm cho bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện được nghĩa vụ của mình theo quy định tại hợp đồng này gồm bất khả kháng truyền thống và bất khả kháng phi truyền thống:

+ Bất khả kháng truyền thống như động đất, bão, lũ lụt, lở đất, hỏa hoạn, dịch bệnh, chiến tranh hoặc có nguy cơ xảy ra chiến tranh, các thảm họa khác chưa lường trước được

Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng sẽ được miễn trách nhiệm do không thực hiện phần nghĩa vụ do sự kiện bất khả kháng với điều kiện là bên đó phải tuân thủ quy định tại khoản 7.2 Điều 7 Hợp đồng này.

7.2. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng nêu tại khoản 7.1 Điều 7 nêu trên, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải:

- Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.

- Thông báo ngay cho bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng 7 ngày bằng văn bản ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

- Trong vòng 10 (mười) ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng, trong thời gian sớm nhất có thể, cùng hợp với bên kia lập biên bản xác nhận theo quy định.

7.3. Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt hợp đồng. Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng dẫn đến việc bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện 1 phần hoặc toàn bộ các nghĩa vụ theo hợp đồng thì thời gian thực hiện hợp đồng cho phần nghĩa vụ bị ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng sẽ được kéo dài bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng.

Điều 8: Tạm dừng và chấm dứt Hợp đồng

8.1. Tạm dừng hợp đồng

a) Các trường hợp tạm dừng thực hiện Hợp đồng:

(i) Nếu Bên B không thực hiện, không thực hiện đúng, đủ bất kỳ nghĩa vụ nào theo Hợp đồng và/hoặc Bên B thực hiện công việc không đáp ứng các yêu cầu về chất lượng, an toàn lao động, tiến độ,... theo quy định của Hợp đồng hoặc yêu cầu của Bên A thì Bên A có quyền ra thông báo (i) tạm dừng một phần hoặc toàn bộ công việc của Bên B theo Hợp đồng, và/hoặc (ii) yêu cầu Bên B phải khắc phục vi phạm, thực hiện đúng quy định, sửa chữa các sai sót, hư hỏng trong khoảng thời gian cụ thể theo quyết định của Bên A.

Bên B sẽ không được kéo dài thời gian thực hiện Hợp đồng hay tính thêm bất kỳ chi phí nào khác cho việc sửa chữa, khắc phục các hậu quả do lỗi của Bên B khi bị tạm dừng bởi Bên A.

Sau khi Bên B khắc phục các điều kiện của Thông báo tạm ngừng, Bên B gửi cho Bên A một báo cáo và được Bên A chấp thuận, Bên B được quyền tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ tại Hợp đồng theo nội dung đã được thỏa thuận trong Hợp đồng.

(ii) Nếu Bên A không tuân thủ theo nghĩa vụ thanh toán của Hợp đồng này và không khắc phục trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được văn bản thông báo yêu cầu khắc phục vi phạm của Bên B, Bên B sẽ có quyền tạm ngừng công việc cho đến khi Bên A thanh toán theo các điều khoản của Hợp đồng này cho Bên B.

(iii) Các trường hợp bất khả kháng theo quy định pháp luật.

(iv) Các trường hợp khác do Hai Bên thỏa thuận.

b) Một Bên có quyền quyết định tạm dừng thực hiện Hợp đồng do lỗi của Bên kia gây ra, nhưng phải thông báo cho Bên kia biết bằng văn bản và cùng bàn bạc giải quyết

để tiếp tục thực hiện đúng Hợp đồng đã ký kết. Trường hợp một Bên tạm dừng không thông báo gây thiệt hại thì phải bồi thường cho Bên kia.

8.2. Chấm dứt hợp đồng

Hợp đồng này sẽ chấm dứt trong các trường hợp sau:

a) Các Bên hoàn thành mọi nghĩa vụ theo Hợp đồng này. Trong trường hợp này, Hai Bên sẽ tiến hành thanh lý Hợp đồng.

b) Khi Hai Bên có thỏa thuận bằng văn bản về việc chấm dứt Hợp đồng. Trường hợp này Các Bên có trách nhiệm hoàn thành mọi nghĩa vụ đối với nhau theo văn bản thỏa thuận chấm dứt.

c) Bên A sẽ được quyền chấm dứt Hợp đồng nếu Bên B vi phạm bất kỳ nghĩa vụ nào theo quy định của Hợp đồng, bao gồm nhưng không giới hạn một trong các hành vi/sự kiện sau:

(i) Không chấm dứt vi phạm, khắc phục hậu quả trong thời gian Bên A quy định khi đã nhận được một thông báo theo tiết (i) điểm (a) Khoản 8.1 Điều này.

(ii) Không thực hiện hoặc không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng này liên tục 08 (tám) ngày hoặc cộng dồn 15 (mười lăm) ngày mà không có lý do chính đáng và không được Bên A chấp thuận trước.

(iii) Chuyển nhượng Hợp đồng/Giao thầu phụ mà không có sự chấp thuận trước của Bên A;

(iv) Bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa. Trong trường hợp này Bên A có thể thông báo chấm dứt Hợp đồng ngay lập tức.

(v) Các trường hợp khác theo quy định của Hợp đồng này và pháp luật.

d) Bên B sẽ được quyền chấm dứt Hợp đồng nếu:

(i) Bên A không hoàn thành nghĩa vụ thanh toán cho Bên B theo Hợp đồng này trong vòng 15 (mười lăm) Ngày Làm Việc kể từ thời điểm tạm ngừng thực hiện Hợp đồng do lỗi của Bên A.

(ii) Bên A bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa.

Sự lựa chọn chấm dứt Hợp đồng của Bên B không làm ảnh hưởng đến các quyền lợi khác của Bên B theo Hợp đồng này.

e) Các trường hợp khác theo quy định của Hợp đồng và quy định pháp luật.

Điều 9. Phạt vi phạm Hợp đồng

9.1. Trường hợp một bên vi phạm Hợp đồng dẫn đến Hợp đồng bị tạm ngừng hoặc chấm dứt theo Điều 8 nêu trên, Bên vi phạm phải khắc phục và bồi thường ngay cho Bên bị vi phạm toàn bộ thiệt hại xảy ra do lỗi của mình gây ra cũng như không được nghiệm thu, thanh toán bất kỳ phần việc nào đang thực hiện dở dang (nếu có).

9.2. Ngoài nghĩa vụ bồi thường thiệt hại, Bên vi phạm hợp đồng phải chịu phạt vi

phạm bằng 8% giá trị Hợp đồng nếu vi phạm bất kỳ điều kiện, cam kết, nghĩa vụ nào được quy định tại Hợp đồng này đối với mỗi vi phạm cho mỗi lần nếu vi phạm đó đã được nhắc nhở nhưng không khắc phục trong thời hạn yêu cầu.

9.3. Ngoài việc chịu phạt vi phạm Hợp đồng, trường hợp Bên B chậm trễ trong việc thực hiện công việc theo hợp đồng thể hiện bằng việc vi phạm tiến độ cam kết hoặc không đạt kết quả như yêu cầu gây ảnh hưởng đến việc thực hiện Gói thầu của Bên A, Bên A có quyền giao lại toàn bộ hoặc một phần công việc cho Bên thứ ba. Khi đó giá trị phải trả cho Bên thứ ba được khấu trừ trong phần thanh toán của Bên B.

Điều 10. Điều khoản chung

10.1. Hợp đồng này cũng như tất cả các tài liệu, thông tin liên quan đến Hợp đồng sẽ được các bên giữ bí mật và quản lý theo quy định hiện hành của Nhà nước và bảo mật.

10.2. Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản đã thỏa thuận trong Hợp đồng. Mọi sửa đổi, bổ sung của Hợp đồng chỉ có giá trị khi được lập bằng văn bản và ký bởi đại diện có thẩm quyền của hai bên.

10.3. Hiệu lực của hợp đồng: Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký.

10.4. Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản đã ký kết. Trong quá trình thực hiện nếu có gì trở ngại, hai bên sẽ cùng nhau bàn bạc để thống nhất giải quyết. Trong trường hợp không đi đến thống nhất sẽ đưa ra Tòa án Kinh tế để giải quyết. Mọi phán xét của Tòa án Kinh tế là điều bắt buộc thi hành đối với cả hai bên.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và được lập thành 06 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 03 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN B

GIÁM ĐỐC



Trần Đình Kiên

ĐẠI DIỆN BÊN A

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Chung Tuấn